

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/DS - ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2023.

“V/v *tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng và ông Y Nik Ê Ban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương, **Thư** ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST - DS ngày 20/4/2023, về việc: “*Kiến **tranh chấp hợp đồng vay tài sản***” theo **Quyết** định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: **Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.**

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Trọng C**, sinh năm 1968 và bà **Vương Thị A**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: **Thôn I, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.**

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh 1968.

Địa chỉ: **Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.**

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 18/4/2023, Biên bản làm việc, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Do là chỗ quen biết với nhau, nên vào khoảng thời gian từ tháng 7/2022 (DL) đến ngày 23/02/2023 tôi (P) có cho bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** nhiều lần vay tiền, bà **Vương Thị A**, ông **Nguyễn Trọng C** cũng có trả cho tôi được một số tiền gốc vay và tiền lãi, sau đó không trả được nữa. Nên ngày 24/3/2023 giữa vợ chồng tôi với

bà **Vương Thị A**, ông **Nguyễn Trọng C** thống nhất cộng các khoản tiền chưa trả còn lại là 08 giấy vay và lập hợp đồng vay tiền mới với nội dung: Bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** nợ của chúng tôi số tiền là 4.800.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng và hạn đến ngày 04/4/2023 trả nếu không trả phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đến hạn theo thỏa thuận bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** không trả cho chúng tôi được khoản tiền theo cam kết trong hợp đồng vay tiền, nên tôi khởi kiện bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C**.

Trong thời gian tôi đang khởi kiện thì bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** có trả cho tôi được 520.000.000 đồng tiền mặt và làm giấy cho tôi được quyền đòi ông **Nguyễn Văn T1**, thôn H, xã C số tiền 370.000.000 đồng và ông **Nguyễn Văn H**, thôn A, xã C là 490.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.380.000.000 đồng.

Trước khi lập hợp đồng vay tiền ngày 24/3/2023 giữa chúng tôi có chốt lại với nhau bà **Vương Thị A**, ông **Nguyễn Trọng C** còn nợ tôi số tiền lãi của các khoản vay trước đó là 180.000.000 đồng. Nên trong số tiền bà **Vương Thị A**, ông **Nguyễn Trọng C** đã trả và tiền trừ nợ qua ông **Nguyễn Văn T1**, ông **Nguyễn Văn H**, chúng tôi thống nhất trừ vào số tiền lãi là 180.000.000 đồng, số tiền đã trả còn lại trừ gốc. Như vậy bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** còn nợ chúng tôi số tiền gốc còn lại là 3.600.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn*)

Về tiền lãi: Trong khi vay chúng tôi thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng, từ ngày làm hợp đồng vay tiền ngày 24/3/2023 cho đến khi trả nợ xong, nhưng từ đó đến nay bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** chưa trả cho tôi khoản tiền lãi nào. Tại phiên tòa chúng tôi thống nhất cho bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** trả cho chúng tôi tiền lãi đối với số tiền còn nợ là 3.600.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn*) theo mức lãi suất là 1%/tháng cho đến khi trả nợ xong. Nên số tiền lãi, tiền lãi phạt mà tôi khởi kiện theo đơn khởi kiện ban đầu tôi xin rút.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** phải trả ngay số tiền nợ gốc và tiền lãi để chúng tôi trả nợ cho người khác.

* *Tại bản tự khai ngày 27/4/2023 các **Biên bản hòa giải**, tại phiên tòa bị đơn bà **Vương Thị Á** trình bày:*

Tôi thừa nhận lời trình bày của bà **Nguyễn Thị P** ở trên là đúng. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 24/3/2023 tôi nhiều lần vay tiền của bà **Nguyễn Thị P**, sau khi các bên thanh toán số tiền đã trả, tính đến ngày 24/3/2023 chúng tôi còn nợ lại của bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Văn T** là 08 khoản vay (Như bà **P** khởi kiện) với tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng và chúng tôi lập Hợp đồng vay tiền mới (với nội dung như trong hợp đồng). Khi chốt nợ gốc còn lại ghi trong Hợp đồng vay, chúng tôi còn nợ bà **Nguyễn Thị P** là 180.000.000 đồng tiền lãi chưa trả, nhưng các bên không ghi giấy tờ gì với nhau.

Trong thời gian gần đây chúng tôi có trả cho bà **P** được một khoản tiền mặt và chuyển cho bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Văn T** được quyền đòi ông **Nguyễn T1** và ông **Nguyễn Văn H**, tổng chúng tôi đã thanh toán và chuyển nợ cho bà **Nguyễn Thị P** và ông **Nguyễn Văn T** được 1.380.000.000 đồng. Trong số tiền này chúng tôi thống nhất với nhau trừ số tiền nợ lãi còn nợ là 180.000.000 đồng, số tiền còn lại trừ vào tiền

nợ gốc. Như vậy, nay chúng tôi còn nợ bà **Nguyễn Thị P** và ông **Nguyễn Văn T** số tiền nợ gốc là 3.600.000.000 đồng. *(Ba tỷ sáu trăm triệu đồng)*

Đối với số tiền lãi trước đây chúng tôi đã trả cho bà **Nguyễn Thị P**, việc này là tự nguyện của các bên, tôi không có ý kiến hay tranh chấp gì về khoản tiền đã trả, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết lại số tiền này.

Đối số tiền lãi chưa trả từ ngày 24/3/2023 đến nay, chúng tôi thỏa thuận với nhau, bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Văn T** chỉ tính với mức lãi suất là 12%/năm/số tiền còn nợ tôi đồng ý.

Do hiện nay người khác nợ tiền của chúng tôi chưa lấy được, mà bà **Nguyễn Thị P** không đồng ý hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, nên không thể bán tài sản để trả nợ cho bà **Nguyễn Thị P** và ông **Nguyễn Văn T** được, nên chúng tôi xin trả dần.

* *Bị đơn ông Nguyễn Trọng C trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của bà **Vương Thị A** về số tiền đã trả và số tiền nợ còn lại. Do hiện nay điều kiện của chúng tôi chỉ có một số tài sản đang vay tại ngân hàng, nhưng do bà **Nguyễn Thị P**, đã có đơn áp dụng biện pháp ngăn chặn, tài sản không thể giao dịch được. Đề nghị bà **Nguyễn Thị P** hủy bỏ biện pháp ngăn chặn để tôi bán tài sản lấy tiền trả nợ.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của bà **Nguyễn Thị P** ông **Nguyễn Trọng C**, bà **Vương Thị A** về số tiền đã trả và số tiền nợ còn lại. Và chỉ đề nghị bà **Vương Thị A** và ông **Nguyễn Trọng C** trả ngay để chúng tôi trả nợ cho người khác.

Phản tranh luận:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn T** đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, buộc bà **Vương Thị A**, ông **Nguyễn Trọng C** phải trả số tiền gốc còn lại là 3.600.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 1%/tháng từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong theo thỏa thuận.

Bị đơn bà **Vương Thị A**, ông **Nguyễn Trọng C** đồng ý số tiền còn nợ và trả số tiền nợ trên, đồng thời đề nghị bà **Nguyễn Thị P** hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với 5653m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 007586 do Ủy ban nhân dân huyện **E** cấp ngày 29/7/2002 để chuyển nhượng lấy tiền trả nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà **Vương Thị A** ông **Nguyễn Trọng C** phải trả cho bà **Nguyễn Thị P** số tiền nợ gốc là 3,6 tỷ đồng và tiền lãi suất theo thỏa thuận là 12%/năm kể từ ngày 24/3/2023 cho đến khi trả nợ xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. *Xét về tố tụng*: Đây là vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” bị đơn bà Vương Thị A ông Nguyễn Trọng C cư trú tại địa bàn huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tổ tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. *Xét về nội dung*:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về số tiền nợ gốc

Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa các bên đương sự thừa nhận: Tính đến ngày 24/3/2023 bà Vương Thị A ông Nguyễn Trọng C còn nợ của bà Nguyễn Thị P 08 khoản vay với tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng và các bên lập Hợp đồng vay tiền mới vào ngày 24/3/2023 là có thực. Việc xác lập tại thời điểm lập Hợp đồng vay giữa các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Các bên đương sự xác nhận, trong thời gian Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đang giải quyết vụ kiện, bà Vương Thị A ông Nguyễn Trọng C đã trả và chuyển nợ cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn T với số tiền là 1.380.000.000 đồng, trong số tiền này được trừ số tiền 180.000.000 đồng ông C, bà A còn nợ tiền lãi, số tiền còn lại 1.200.000.000 đồng được trừ vào tiền nợ gốc. Hiện bà Vương Thị A ông Nguyễn Trọng C còn nợ bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn T là 3.600.000.000 đồng là thực tế. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tổ tụng dân sự nên không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên bà Vương Thị A, ông Nguyễn Trọng C cho rằng do hiện nay gia đình đang gặp khó khăn, chưa lấy được nợ và không bán được tài sản nên xin được trả dần số nợ cho đến khi trả nợ xong, nhưng ý kiến này không được bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn T chấp nhận. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, buộc ông Nguyễn Trọng C và bà Vương Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn T số tiền còn nợ là 3.600.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất tiền vay: Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Nguyễn Trọng C bà Vương Thị A phải trả với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng từ ngày vay 24/3/2023 cho đến khi trả nợ xong. Các bên đương sự đều thừa nhận, trong thời gian vay ông Nguyễn Trọng C và bà Vương Thị A chưa trả được khoản tiền lãi nào. Tại phiên tòa các bên đương sự thỏa thuận chỉ tính lãi suất là 1%/tháng (Tương đương 12%/năm) của số tiền hiện còn nợ là 3.600.000.000 đồng từ ngày 24/3/2023 cho đến khi trả nợ xong. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Nên tiền lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 24/3/2023 (tạm tính đến ngày xét xử) đến ngày 30/5/2022 là 67 ngày x 3.600.000.000 đồng x 12%/năm: 365 ngày = 79.298.630 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi buộc ông **Nguyễn Trọng C** và bà **Vương Thị A** phải trả bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Văn T** số tiền là 3.679.298.630 đồng

[3] Trong quá trình khởi kiện bà **Nguyễn Thị P** có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông **Nguyễn Trọng C** và bà **Vương Thị A** là 5653m² đất tại các thửa số 23, 30, 31, 40 tờ bản đồ số 57 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 007586 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29/7/2002 cho hộ ông **Nguyễn Trọng C** để đảm bảo thi hành án. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar để đảm bảo cho việc thi hành án bản án này.

[4] Tại phiên tòa bà **Nguyễn Thị P** rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền gốc và tiền lãi, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần rút yêu cầu là có căn cứ.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** được chấp nhận, nên ông **Nguyễn Trọng C** bà **Vương Thị A** phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả.

Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị P** số tiền 56.452.000 đồng (năm mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000975, ngày 20/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị P**.

Buộc ông **Nguyễn Trọng C**, bà **A** phải trả cho bà **Nguyễn Thị P**, ông **Nguyễn Văn T** số tiền nợ gốc là 3.600.000.000 đồng và 79.298.630 đồng tiền nợ lãi. Tổng cộng là 3.679.298.630 đồng (*Ba tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu hai trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 12%/năm.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền đã rút là 1.380.000.000 đồng và một phần tiền lãi.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Trọng C bà Vương Thị A phải nộp 105.585.973 đồng (Một trăm lẻ lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bảy ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (Theo mức 72.000.000 đồng + (2 % x 1.679.298.630 đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 56.452.000 đồng (năm mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000975, ngày 20/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Thi hành án DS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn